



Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2015

GIỚI THIỆU

Những nội dung cơ bản và điểm mới của Luật tổ chức chính quyền địa phương *(Tài liệu họp công bố Luật tổ chức chính quyền địa phương)*

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Sau hơn 10 năm thực hiện Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện, cơ bản thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, qua thực tiễn hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp và yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ mới cho thấy Luật này đã bộc lộ những vấn đề cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung như: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cơ bản giống nhau ở cả 3 cấp, chưa thể hiện tính gắn kết thống nhất giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp trong chính thể chính quyền địa phương, chưa phân biệt theo đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo; chưa phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương; một số nhiệm vụ theo luật định, chính quyền cấp xã không có khả năng thực thi. Chưa quy định rõ các vấn đề do tập thể Ủy ban nhân dân thảo luận, quyết định và các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đồng thời, những vấn đề mới từ quy định của Hiến pháp năm 2013, các chủ trương, định hướng của Đảng về chính quyền địa phương cần thiết phải được cụ thể hóa trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật tổ chức chính quyền địa phương (sau đây gọi là Luật năm 2015). Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016 đã cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 và các chủ trương, định hướng của Đảng về chính quyền địa phương; đồng thời kế thừa những nội dung hợp lý và sửa đổi, bổ sung các bất cập, vướng mắc trong 12 năm thực hiện Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 (sau đây gọi là Luật năm 2003).

II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

1. Phạm vi điều chỉnh và bố cục của Luật năm 2015

- Phạm vi điều chỉnh: Luật tổ chức chính quyền địa phương điều chỉnh các vấn đề về đơn vị hành chính và tổ chức, hoạt động của chính quyền địa

phương ở các đơn vị hành chính. Theo đó, so với Luật năm 2003 đã bổ sung quy định về đơn vị hành chính và thành lập giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.

- Bộ cục của Luật: gồm 8 chương và 143 điều, tăng 02 chương và 3 điều so với Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

2. Về “đơn vị hành chính tương đương” thuộc thành phố trực thuộc trung ương

Để cụ thể hóa khoản 1 Điều 110 Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã xác định “đơn vị hành chính tương đương” thuộc thành phố trực thuộc trung ương là “thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương”.

3. Về mô hình tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính

- Tất cả các đơn vị hành chính đều tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (cấp chính quyền địa phương), đồng thời chấm dứt việc thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường kể từ khi Luật này có hiệu lực vào ngày 01/01/2016.

- Đơn vị hành chính cấp huyện ở hải đảo, tổ chức chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện tại hải đảo chia thành các đơn vị hành chính cấp xã thì tại đơn vị hành chính cấp xã cũng tổ chức cấp chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

- Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Cơ cấu tổ chức, cách thức hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại đơn vị hành chính kinh tế – đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, số lượng thành viên Ủy ban nhân dân và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt đó.

4. Về phân định thẩm quyền giữa trung ương, địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương

Đây là điểm mới của Luật năm 2015 nhằm cụ thể hóa Điều 112 Hiến pháp năm 2013. Theo đó, để tạo cơ sở pháp lý cho việc phân quyền, phân cấp, ủy quyền cho chính quyền địa phương, Luật năm 2015 quy định các nguyên tắc phân định thẩm quyền, các trường hợp phân quyền, phân cấp, ủy quyền. Cụ thể như sau:

- Có 6 nguyên tắc về phân định thẩm quyền: (1) Bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất về thể chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch đối với các ngành, lĩnh vực; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính quốc gia; (2) Phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; (3) Kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ, phân

định rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa chính quyền địa phương các cấp đối với các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ; (4) Việc phân định thẩm quyền phải phù hợp điều kiện, đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo và đặc thù của các ngành, lĩnh vực; (5) Công việc liên quan đến phạm vi từ hai đơn vị hành chính cùng cấp trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền cấp trên, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ có quy định khác; (6) Chính quyền địa phương được bảo đảm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân quyền, phân cấp.

- Về định hướng phân quyền, phân cấp, ủy quyền:

+ Về phân quyền: Luật quy định việc phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong các luật; chính quyền địa phương tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền.

+ Về phân cấp: Luật quy định căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể khác của địa phương, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quyền phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện một cách liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Việc phân cấp phải được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước thực hiện phân cấp.

+ Về ủy quyền: Luật quy định trong trường hợp cần thiết, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền bằng văn bản cho UBND cấp dưới hoặc cơ quan, tổ chức khác thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể.

5. Về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương và của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

Luật năm 2015 có những điểm mới cơ bản sau đây:

- Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính theo hướng chủ yếu tập trung ở cấp tỉnh, giảm dần xuống cấp huyện đến cấp xã để tránh tình trạng dồn việc về cấp cơ sở mà không tính đến khả năng đáp ứng của từng cấp chính quyền; nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở địa bàn nông thôn tập trung thực hiện quản lý theo lãnh thổ; ở địa bàn đô thị chú trọng thực hiện quản lý theo ngành, lĩnh vực.

- Quy định chung về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương phải thực hiện như tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn; quyết định những vấn đề của địa phương trong phạm vi được phân

quyền, phân cấp; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan hành chính nhà nước cấp trên ủy quyền...

- Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và UBND trên các lĩnh vực nhằm thể hiện rõ sự gắn kết chặt chẽ, thống nhất giữa hai thiết chế HĐND và UBND hợp thành chính quyền địa phương. Theo đó:

+ Với tính chất là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, HĐND quyết định các vấn đề của địa phương như quyết định ngân sách; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong cơ cấu của chính quyền địa phương; quyết định các biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật, các biện pháp bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế, tài nguyên, môi trường, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết của HĐND trên địa bàn.

+ Với tính chất là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, UBND có nhiệm vụ xây dựng, trình HĐND quyết định những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và tổ chức thực hiện các nghị quyết này sau khi được HĐND thông qua. Đồng thời, UBND còn có nhiệm vụ quản lý nhà nước về các lĩnh vực trên địa bàn trong phạm vi được phân quyền, phân cấp, ủy quyền.

+ Với tính chất là người đứng đầu UBND, Chủ tịch UBND có nhiệm vụ lãnh đạo và điều hành công việc của UBND, lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, của HĐND và UBND, lãnh đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính ở địa phương.

- Quy định nhiệm vụ, quyền hạn đặc trưng của chính quyền đô thị nhằm thể hiện sự khác biệt với chính quyền nông thôn. Theo đó:

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở thành phố, thị xã ngoài việc quyết định các vấn đề của địa phương như đối với địa bàn nông thôn, còn tập trung quyết định các vấn đề quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, quản lý và tổ chức đời sống dân cư đô thị...

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương quận và phường đã được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu quản lý thống nhất, liên thông trong khu vực nội thành, nội thị tại các đô thị. Cụ thể, ngoài việc thực hiện chức năng đại diện và giám sát theo quy định chung, tập trung thực hiện 2 nhóm nhiệm vụ liên quan đến việc quyết định các vấn đề ở địa phương, gồm: (1) thông qua ngân

sách quận, phường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và (2) bầu nhân sự của HĐND, UBND cùng cấp.

6. Về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân

Kế thừa các nội dung hợp lý của Luật năm 2003; đồng thời bổ sung những điểm mới nhằm quy định chi tiết hơn về tổ chức và hoạt động của HĐND, kỳ họp HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND (về giám sát của HĐND do Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND quy định cụ thể). Theo đó, cơ cấu tổ chức và hoạt động của HĐND có những nội dung mới sau:

- Thứ nhất, quy định tiêu chuẩn, số lượng đại biểu HĐND các cấp (chuyển từ Luật Bầu cử đại biểu HĐND hiện nay sang quy định tại Luật này), trong đó có việc tăng thêm số lượng đại biểu HĐND ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh từ 95 lên 105 đại biểu.

- Thứ hai, tăng cường vai trò của Thường trực HĐND, bảo đảm hoạt động thường xuyên giữa 2 kỳ họp HĐND; quy định rõ Thường trực HĐND họp thường kỳ mỗi tháng 1 lần.

- Thứ ba, thay chức danh Ủy viên Thường trực HĐND cấp tỉnh, cấp huyện bằng chức danh Phó Chủ tịch HĐND; mở rộng thành viên Thường trực HĐND cấp tỉnh, cấp huyện gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là Trưởng Ban của HĐND; Thường trực HĐND cấp xã vẫn gồm Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND.

- Thứ tư, ở HĐND thành phố trực thuộc trung ương thành lập thêm Ban đô thị; ở HĐND cấp xã thành lập thêm 2 ban là Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội. Thành viên các Ban HĐND cấp xã hoạt động kiêm nhiệm.

- Thứ năm, quy định đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách. Theo đó, Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND cấp tỉnh, cấp huyện có thể là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch HĐND, Phó Trưởng Ban của HĐND cấp tỉnh, cấp huyện là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách; ở cấp xã, quy định Phó Chủ tịch HĐND cấp xã là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách; Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và Ủy viên của các Ban của HĐND xã hoạt động kiêm nhiệm.

- Thứ sáu, quy định khi có từ 10% trở lên trong tổng số cử tri trên địa bàn cấp xã yêu cầu, Thường trực HĐND cấp xã có trách nhiệm xem xét tổ chức kỳ họp HĐND để bàn về nội dung kiến nghị của cử tri.

- Thứ bảy, HĐND cấp tỉnh, cấp huyện thành lập Tổ đại biểu HĐND; HĐND cấp xã không thành lập Tổ đại biểu HĐND.

7. Về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân

Kế thừa các nội dung hợp lý của Luật năm 2003; đồng thời bổ sung những điểm mới nhằm quy định chi tiết hơn về số lượng, cơ cấu thành viên UBND,

nguyên tắc hoạt động của UBND; phiên họp UBND; phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của các thành viên UBND; mối quan hệ phối hợp công tác của UBND; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND. Theo đó, cơ cấu tổ chức và hoạt động của UBND có những nội dung mới sau:

- Thứ nhất, quy định thành viên UBND cấp tỉnh, cấp huyện gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an để bảo đảm nguyên tắc làm việc tập thể của UBND bao quát đầy đủ các lĩnh vực chuyên môn, tạo điều kiện thực hiện việc giám sát của HĐND và lấy phiếu tín nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND và cơ quan quân sự, công an ở địa phương; quy định thành viên UBND cấp xã gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an.

- Thứ hai, quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND các cấp theo phân loại đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

+ Đối với cấp tỉnh: thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có không quá 05 Phó Chủ tịch UBND; các thành phố trực thuộc trung ương còn lại và các tỉnh loại I có không quá 04 Phó Chủ tịch UBND; tỉnh loại II và loại III có không quá 03 Phó Chủ tịch UBND.

+ Đối với cấp huyện: Loại I có không quá 03 Phó Chủ tịch UBND; loại II và loại III có không quá 02 Phó Chủ tịch UBND.

+ Đối với cấp xã: Loại I có không quá 02 Phó Chủ tịch UBND; Loại II và loại III có 01 Phó Chủ tịch UBND.

- Thứ ba, quy định kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND do người đứng đầu cơ quan hành chính cấp trên trực tiếp phê chuẩn, trường hợp không phê chuẩn thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và yêu cầu HĐND tổ chức bầu lại chức danh không được phê chuẩn. Riêng đối với chức danh ủy viên UBND không thực hiện việc phê chuẩn kết quả bầu cử như Luật năm 2003. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ngay sau khi được HĐND bầu.

- Thứ tư, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể UBND và Chủ tịch UBND theo hướng đề cao trách nhiệm của Chủ tịch UBND trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình và trong việc điều động, cách chức, đình chỉ chức vụ đối với Chủ tịch UBND cấp dưới trực tiếp, chỉ định quyền Chủ tịch UBND cấp dưới trực tiếp trong trường hợp khuyết Chủ tịch UBND giữa hai kỳ họp HĐND.

- Thứ năm, quy định UBND cấp xã mỗi năm có trách nhiệm tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân về tình hình hoạt động của UBND và những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công dân ở địa phương.

8. Các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của chính quyền địa phương

Đây là nội dung mới của Luật năm 2015, theo đó quy định 3 nội dung sau:

- Thứ nhất, quy định trụ sở, kinh phí hoạt động của chính quyền địa phương.
- Thứ hai, quy định bộ máy giúp việc của chính quyền địa phương gồm có Văn phòng HĐND cấp tỉnh, Văn phòng UBND cấp tỉnh, Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND và UBND.
- Thứ ba, giao Chính phủ quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế Văn phòng HĐND cấp tỉnh, Văn phòng UBND cấp tỉnh, Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân cấp huyện và việc tổ chức công tác tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND, UBND cấp xã.

9. Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

Đây là nội dung mới của Luật năm 2015 để thực hiện Điều 110 Hiến pháp năm 2013, theo đó quy định 4 nội dung sau:

- Thứ nhất, quy định các nguyên tắc, điều kiện thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và giao Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định cụ thể tiêu chuẩn thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.
- Thứ hai, quy định thẩm quyền quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính, giải quyết tranh chấp liên quan đến địa giới đơn vị hành chính.
- Thứ ba, quy định việc lấy ý kiến Nhân dân địa phương là toàn bộ cử tri ở địa bàn chịu ảnh hưởng trực tiếp về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính. Nếu có trên 50% tổng số cử tri trên địa bàn tán thành thì cơ quan xây dựng đề án mới trình cấp có thẩm quyền xem xét.
- Thứ tư, sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể về tổ chức chính quyền địa phương trong trường hợp thay đổi địa giới đơn vị hành chính và các trường hợp đặc biệt khác để khắc phục những bất cập trong quá trình thực hiện Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003.

10. Về hiệu lực và triển khai thi hành Luật

Luật năm 2015 quy định các nội dung sau đây:

- Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Luật quy hoạch đô thị năm 2009 theo hướng bỏ nội dung quy định về cấp quản lý hành chính đô thị trong Luật quy hoạch đô thị (khoản 2 và một phần khoản 3 Điều 4) và giao Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định cụ thể việc phân loại đô thị phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

- Thứ hai, quy định Luật tổ chức chính quyền địa phương có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016; quy định Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016. Đồng thời quy định rõ kể từ ngày Luật tổ chức chính quyền địa phương có hiệu lực thi hành cho đến khi bầu ra HĐND nhiệm kỳ 2016 - 2021, HĐND và UBND tại các đơn vị hành chính tiếp tục giữ nguyên cơ cấu tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003.

- Thứ ba, quy định chấm dứt việc thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND huyện, quận, phường theo Nghị quyết số 26/2008/QH12 của Quốc hội, Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kể từ ngày 01/01/2016. UBND huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường tiếp tục giữ nguyên cơ cấu tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003, Nghị quyết số 26/2008/QH12 của Quốc hội và Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cho đến khi bầu ra chính quyền địa phương ở huyện, quận, phường theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương.

*

* *

Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003 sau 12 năm thực hiện đã được thay thế bằng Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Từ nay đến khi Luật tổ chức chính quyền địa phương có hiệu lực thi hành, các cơ quan có thẩm quyền được Luật giao sẽ ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để triển khai thực hiện Luật và chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021. Trên cơ sở khắc phục những tồn tại, hạn chế của Luật năm 2003 và bổ sung những điểm mới để thi hành Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức chính quyền địa phương sẽ tạo hành lang pháp lý hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo đảm việc tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát huy quyền dân chủ trực tiếp và gián tiếp của Nhân dân ở địa phương, góp phần vào công cuộc đổi mới của đất nước. / . *PH*